

BÁT NHÃ TÂM KINH (SANSKRIT - DỊCH ÂM - DỊCH NGHĨA)

Dịch Việt: Nguyệt Thiên
(Đọc với font VU- Times và [Acrobat Reader](#))

Lời tựa: Nhân dịp tình cờ tìm thấy văn bản Prajñāpāramitāhṛdayasūtram (Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh) ở mạng [internet](#) nên chúng tôi có ý định tìm hiểu xem ý nghĩa bản văn với mục đích trau dồi thêm về phương diện ngôn ngữ. Ở đây, chúng tôi chỉ cố gắng ghi lại nghĩa Việt theo khả năng học hiểu về cổ ngữ Sanskrit. Những điểm sai sót do thiếu hiểu biết về các lãnh vực khác, ngưỡng mong quý vị hỷ xả cho.

॥ अथ प्रज्ञापारमिताहृदयसूत्रं ॥	
॥ नमः सर्वज्ञाय ॥ आर्यावलोकितेश्वरबोधिसत्त्वो गंभीरायां प्रज्ञापारमितायां चर्यां चरमाणो व्यवलोकयति स्व । पंच स्कन्धाः । तांश्च स्वभा- वशून्यान्यशयति स्व ।	तस्माच्छारिपुत्र शून्यतायां न रूपं न वेदना न संज्ञा न संस्कारा न विज्ञानानि । न चक्षुःश्रोत्रघ्राण- जिह्वाकायमनांसि । न रूपशब्द- गंधरसस्पर्शव्यधर्मोः । न चक्षुर्धातु- र्यावन्न मनोविज्ञानधातुः ।
इह शारिपुत्र रूपं शून्यता शून्यतैव रूपं रूपान्न पृथक् शून्यता शून्यात- या न पृथग्यूपं यद्रूपं सा शून्यता या शून्यता तद्रूपं । एवमेव वेदन- ासंज्ञासंस्कारविज्ञानानि । इह शारिपुत्र सर्वधर्मैः शून्यताल- क्षणा अनुत्पन्ना अनिरुद्धा अमला न विमला नीना न परिपूर्णाः ।	बोधिसत्त्वस्य प्रज्ञापारमितामा- श्रित्य विहरत्यविहावरणः । वि- हावरणनास्तित्वात्तस्त्वो विप- र्ययासातिक्कांतो निष्ठनिर्वाणः । अध्वव्यवस्थिताः सर्वबुद्धाः प्रज्ञा- पारमितामाश्रित्यानुत्तरा सम्यक् संबोधिमभिसंबुद्धाः । तस्माज्ज्ञातव्यो प्रज्ञापारमिता- महामंचो महाविद्यामंचो ऽ नु- त्तरमंचो ऽ समसममंचः सर्वदुःख- प्रशमनः सत्यममिथ्यत्वात् प्रज्ञा- पारमितायामुक्तो मंचः । तद्यथा गते गते पारगते पारसं- गते बोधि स्वाहा ॥ ॥ इति प्रज्ञापारमिताहृदयं समाप्तं ॥
न विद्या नाविद्या न विद्याक्षयो नाविद्याक्षयो यावन्न जरामरणं न जरामरणक्षयो न दुःखसमुद्यनि- रोधमार्गा न ज्ञानं न प्राप्तिरप्र- ाप्तिर्न ।	

(<http://www12.canvas.ne.jp/horai/heart-skt.gif>)

**BÁT NHÃ TÂM KINH
(SANSKRIT - DỊCH ÂM - DỊCH NGHĨA)**

**॥ प्रज्ञापारमिताहृदयसूत्रम् ॥
Prajñāpāramitāhṛdayasūtram**

Kinh Giảng về Yếu Lý của Trí Tuệ Đền Bờ Kia (Bát Nhã Ba La Mật)

॥ नमः सर्वज्ञाय ॥

Namaḥ sarvajñāya.

Kính lễ đấng Toàn Tri.

आर्यावलोकिततेश्वरबोधिसत्त्वो

गंभीरायं प्रज्ञापारमितायं चर्या चरमाणो

व्यवलोकयति स्म । पंच स्कन्धाः ।

तांश्च स्वभावशून्यान्पश्यति स्म ।

āryāvalokiteśvarabodhisattvo

gaṃbhīrāyaṃ prajñāpāramitāyaṃ caryāṃ caramāṇo

vyavalokayati sma. pañca skandhāḥ.

tāṃśca svabhāvaśūnyān paśyati sma.

Bồ Tát Avalokiteśvara thánh thiện

trong khi thực hành hạnh Ba-la-mật thâm sâu về Trí Tuệ

đã quan sát kỹ lưỡng năm uẩn

và đã nhìn thấy chúng có trạng thái KHÔNG ở bản thể.[\[1\]](#)

इह शारिपुत्र रूपं शून्यता शून्यतैव रूपं रूपान्न पृथक् शून्यता शून्याताया न

पृथग्रूपं यद्रूपं सा शून्यता या शून्यता तद्रूपं । एवमेव वेदनासंज्ञासंस्कारविज्ञानानि ।

iha śāriputra rūpaṃ śūnyatā śūnyataiva rūpaṃ, rūpān na pṛthag śūnyatā śūnyātāyā

na pṛthag rūpaṃ yad rūpaṃ sā śūnyatā yā śūnyatā tad rūpaṃ. evameva vedanā-
saṃjñā-saṃskāravijñānāni.

Này Śāriputra, ở đây SẮC là trạng thái KHÔNG, chính trạng thái KHÔNG là SẮC;

trạng thái KHÔNG không tách rời khỏi SẮC, SẮC không tách rời khỏi trạng thái

KHÔNG; cái nào là SẮC, cái ấy là trạng thái KHÔNG; cái nào là trạng thái KHÔNG,

cái ấy là SẮC. Tương tự y như thế là các THỌ, TƯỚNG, HÀNH, THỨC.[\[2\]](#)

इह शारिपुत्र सर्वधर्माः शून्यतालकशणा अनुत्पन्ना अनिरुद्धा अमला न विमला नोना न परिपूर्णाः ।

iha śāriputra sarva-dharmāḥ śūnyatā-lakṣaṇā anutpannā aniruddhā amalā avimalā nonā na paripūrṇāḥ.

Này Śāriputra, ở đây tất cả các pháp có trạng thái KHÔNG là tướng trạng, thì không được sanh ra, không bị hoại diệt, không vết nhơ, không phải là khỏi bị vết nhơ, không là voi, không bị tràn đầy.

न विद्या नाविद्या न विद्याक्षयो नाविद्याक्षयो यावन्न जरामरणं न जरामरणक्षयो न दुःखसमुदयनिरोधमार्गा न ज्ञानं न प्राप्तिरप्राप्तित्वेन ।

na vidyā nāvidyā na vidyākṣayo nāvidyākṣayo yāvan na jarāmaraṇaṁ na jarāmaraṇakṣayo na duḥkhasamudayanirodhamārgā na jñānaṁ na prāptiraprāptitvena.

không là minh, không là vô minh, không là sự hoại diệt của minh, không là sự hoại diệt của vô minh, cho đến (các trạng thái) không là già và chết, không là sự hoại diệt của già và chết, không là Khổ-Tập-Diệt-Đạo, không là trí, không là sự đạt đến cùng với trạng thái không đạt đến.[\[3\]](#)

तस्माच्छारिपुत्र शून्यतायां न रूपं न वेदना न संज्ञा न संस्कारा न विज्ञानानि । न चक्षुःश्रोत्रघ्राणजिह्वाकायमनांसि । न रूपशब्दगंधरसस्पर्शव्यधर्माः । न चक्षुर्धातुर्यावन्न ननोविज्ञानधातुः ।

tasmācchāriputra śūnyatāyām na rūpaṁ na vedanā na saññā na saṁskārā na vijñānāni. na cakṣuḥśrotra-ghrāṇa-jihvā-kāya-manāṁsi. na rūpa-sabda-gandha-rasa-spraśṭavya-dharmāḥ. na cakṣur-dhātur yāvan na manovijñāna-dhātuḥ.

Này Śāriputra, vì thế ở trạng thái KHÔNG không có sắc, không có thọ, không có tưởng, không có các hành, không có các thức, không có các mắt-tai-mũi-lưỡi-thân-ý, không có các sắc-thinh-hương-vị-xúc-pháp, không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới.

बोधिसत्त्वस्य प्रज्ञापारमितामाश्रित्य विहरत्यचित्तावरणः ।

चित्तावरणनास्तित्वादत्रस्तो विपर्यासातिक्रान्तो निष्ठनिर्वाणः ।

त्र्यध्वव्यवस्थिताः सर्वबुद्धाः प्रज्ञापारमितामा श्रित्यानुत्तरां

सम्यक् संबोधिमभिसंबुद्धाः ।

bodhisattvasya prajñāpāramitām-āśritya viharatyacittāvaraṇaḥ.

cittāvaraṇanāstitvād-atrasto viparyāsātikrānto niṣṭha-nirvāṇaḥ. tryadhva-

vyavasthitāḥ sarvabuddhāḥ prajñāpāramitā-āsṛityānuttarāṃ samyaksaṃbodhim-abhisambuddhāḥ.

[4] Vị Bồ Tát, sau khi nương tựa vào Trí Tuệ Đến Bờ Kia, sống có sự không bị che lấp ở tâm; do không có sự hiện diện của sự che lấp ở tâm, (trở nên) không bị dao động, (được) vượt qua ảo tưởng, có Niết Bàn được hoàn mãn. Tất cả chư Phật hiện hữu ở ba thời (quá khứ-hiện tại-vị lai), sau khi nương tựa vào Trí Tuệ Đến Bờ Kia, thì được chứng đắc phẩm vị Toàn Giác vô thượng.

तस्माज्ज्ञातव्यो प्रज्ञापारमितामहामन्त्रो

महाविद्यामन्त्रो ऽनुत्तरमन्त्रो ऽसमसममन्त्रः सर्वदुःखप्रशमनः

सत्यममिथ्यत्वात् प्रज्ञापारमितायामुक्तो मन्त्रः ।

tasmāj-jñātavyo prajñāpāramitā-mahāmanthro mahāvidyāmanthro 'nuttaramantro 'samasamamantraḥ sarvaduḥkhapraśamanaḥ satyam-amithyatvāt prajñāpāramitāyām-ukto mantraḥ.

Vì thế, nên biết rằng: lời chỉ dạy [5] vĩ đại về Trí Tuệ Đến Bờ Kia là lời chỉ dạy về sự hiểu biết vĩ đại, lời chỉ dạy vô thượng, lời chỉ dạy không gì sánh bằng, có sự làm lắng dịu tất cả khổ đau, là sự thật bởi vì tính chất không sai trái, là lời chỉ dạy được nói ở Trí Tuệ Đến Bờ Kia.

तद्यथा गते गते पारगते पारसंगते बोधि स्वाहा ॥

tadyathā gate gate pāragate pārasaṃgate bodhi svāhā.

Điều ấy là như vậy: “Khi đã đi đến, khi đã đi đến, khi đã đi đến bờ kia, khi đã hội tụ ở bờ kia, phẩm vị Giác Ngộ là vật dâng hiến.”

(gá-têêê gá-têêê paaa-rá-gá-têêê paaa-rá-xămmm-gá-têêê bô-đơhí xơ-vaaa-haaa). [6]

॥ इति प्रज्ञापारमिताहृदयं समाप्तं ॥

iti prajñāpāramitā-hṛdayaṃ samāptaṃ.

Như vậy Yếu Lý của Trí Tuệ Đến Bờ Kia được đầy đủ.

[1] Ở các bản dịch từ tiếng Hán có thêm: “độ nhất thiết khổ ách/vượt qua mọi khổ ách.” Không thấy đoạn này ở các bản tiếng Anh.

[2] Ở đây đang nói về ngũ uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

[3] So sánh với bản dịch từ tiếng Hán và tiếng Anh, thì văn bản này có sự đảo lộn thứ tự của đoạn này và đoạn kế.

[4] Ở các văn bản khác có thêm: tasmā aprāptivād / Dĩ vô sở đắc cố / Bởi không sở đắc /
Therefore, O Sariputra, by reason of his nonattainment (of nirvana).

[5] Từ *mantra* ở đây được ghi nghĩa Việt là “lời chỉ dạy” thay vì “chú thuật.” *Sanskrit - English Dictionary* ghi nghĩa của từ *mantra* như sau: “... ‘instrument of thought,’ speech, sacred text or speech, a prayer or song of praise ...”

[6] Thay vì theo âm của tiếng Hán “Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề. Tát bà ha” thì được ghi âm theo cách đọc của tiếng Sanskrit: Ví dụ: gá-têê: gá = âm ngắn, têê = âm dài, đọc là tê rồi kéo dài ra.

Nguồn: http://www.paliviet.info/Sanskrit/Skrt_BatNha.htm